TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:24/2024/QĐST – HNGĐ.	*N, ngày 16 tháng 7 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 59/2024/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa;

Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn T, sinh năm 1978;

Bị đơn: Anh Mai X, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn T và anh Mai X.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T và anh Mai X thỏa thuận thuận tình ly hôn; hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 16-7-2024).

-Về con chung: Anh chị có 01 con chung, sau khi ly hôn chị Nguyễn T nhận nuôi cháu Mai T, sinh ngày 16/12/2017, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động; anh Mai X có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đóng góp vào ngày 28 hàng tháng, tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

+/ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn T và anh Mai X: Nếu anh Mai X chậm đóng góp tiền nuôi con theo thỏa thuận trên thì phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm đóng góp.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

-Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và các khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Nguyễn T và anh Mai X mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Mai X phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; chị T nhận nộp thay phần án phí của anh X; tổng cộng chị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước, chị T được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002035 ngày 05/6/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn; Bị đơn
-VKSND huyện; THADS huyện
- UBND xã Đ, Huyện N, Kon Tum (nơi đăng ký kết hôn).
-Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo